TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: **193**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 6 năm 2025
Về Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Danh, ông Phan Công Văn.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa*:** Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2025 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2025/QĐXXST-HN, ngày 24 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 268/2025/QĐST-HN, ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trần Chí L, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số nhà A, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo trình bày của bà Trần Thị Ngọc T, hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc T và ông Trần Chí L do tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 06/8/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp nên thường hay gây cãi, cả hai đều không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Bà T và ông L đã ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được, nên bà T xin ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông L có 01 con chung tên Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 26/01/2016. Hiện cháu C đang sống cùng ông L. Bà T đồng ý để ông L được trực tiếp nuôi dạy cháu C sau khi ly hôn, bà xin không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của ông L. Bà T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nơi cư trú ông L.

Theo Biên bản xác minh ngày 23/4/2025, Ban ấp P, xã P cung cấp: Hiện ông Trần Chí L đăng ký thường trú tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Ông L đang đi làm thuê ở xa, lâu lâu có về thăm nhà vào dịp Lễ, Tết.

Kết quả xác minh ngày 22/4/2025 được biết, mâu thuẫn giữa bà T và ông L phát sinh đã lâu, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp nên thường xuyên gây cãi, hai người đã ly thân và quay lại nhiều lần nhưng vẫn không thể chung sống được. Bà T và ông L đã không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 21/4/2025, cháu Trần Thị Mỹ C có nguyện vọng sống cùng ông L sau khi bà T và ông L ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà T, ông L có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu Trần Thị Mỹ C, giao con chung cho ông L được tiếp tục nuôi dạy, bà T không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Ngọc T khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Chí L và đồng ý để ông L trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp *"ly hôn, nuôi con chung"*. Bị đơn

ông Trần Chí L cư trú ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt không có lý do. Như vậy các đương sự đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, nên tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và xét xử vắng mặt bà T, ông L là phù hợp quy định tại các Điều 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà T và kết quả xác minh xác định được, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà T và ông L là do tính tình không hòa hợp nên thường hay gây cãi, cả hai đều không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Mâu thuẫn này đã được hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Từ cuối năm 2021 đến nay hai người đã sống ly thân. Khi biết bà T xin ly hôn thì ông L cũng không có ý kiến; Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng bà T cương quyết ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, không thể duy trì quan hệ hôn nhân, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông L có 01 con chung tên Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 26/01/2016. Hiện cháu C đang sống cùng ông L và có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông L sau khi bà T và ông L ly hôn. Bản thân bà T cũng đồng ý để ông L được tiếp tục nuôi dạy cháu C. Nhận thấy cháu C đang được gia đình ông L nuôi dạy tốt. Để đảm bảo về mặt tâm sinh lý, sự phát triển bình thường và điều kiện sống được ổn định, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu C cho ông L trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp quy định Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông L không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng; bà T xin không phải cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu ông L có yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông L có căn cứ xác định có tài sản chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định, ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trần Chí L.

Về con chung: Ông Trần Chí L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Trần Thị Mỹ C, sinh ngày 26/01/2016.

Bà Trần Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Ngọc T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của ông Trần Chí L. Ngược lại, ông L và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0010456 ngày 03/4/2025. (Bà T đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc T và ông Trần Chí L là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Phú Hữu (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sáu